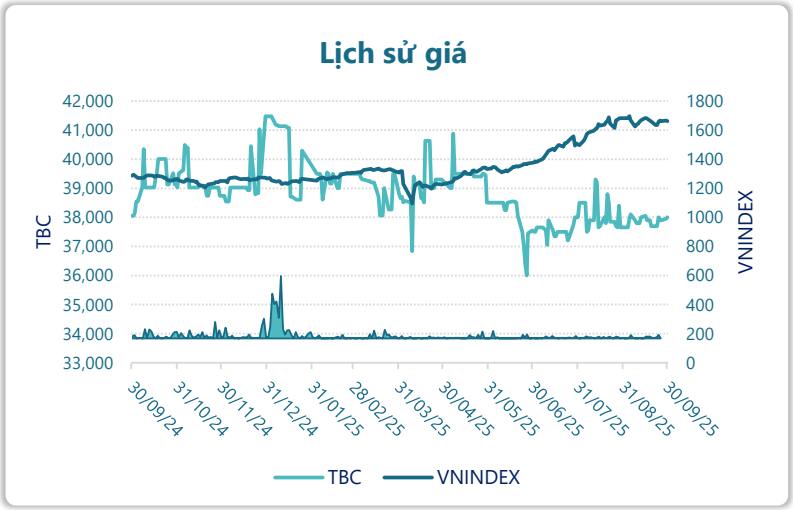
FireAnt

CTCP Thủy điện Thác Bà (HSX: TBC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**38,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	41,475
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	36,000
SL cổ phiếu LH	63,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,705
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,413
P/E	12.4
EPS	3,062

DT thuần

Q3/25

174

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.0| 12.3%

YoY: ▼19.0| -9.8%

LN sau thuế

Q3/25

81.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.90| -1.1%

YoY: ▼18.2| -18.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

54.7%

+/- YoY: ▼ 7.6%

DT thuần

9T 2025

431

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29.0| 7.1%

LN sau thuế

9T 2025

203

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 23.0| 13.0%

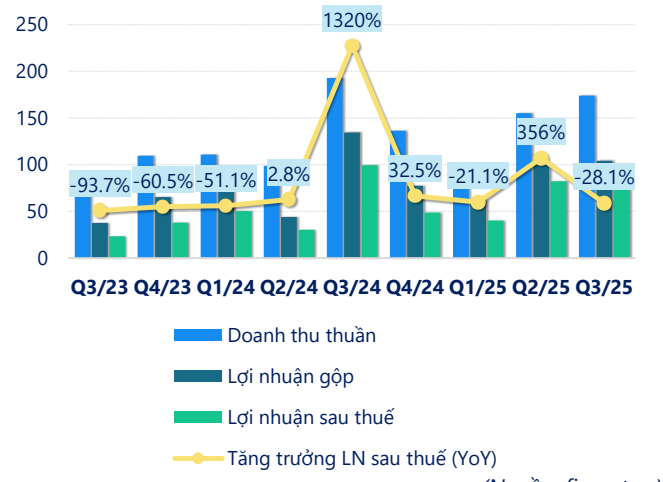
ROE

Q3/25

13.5%

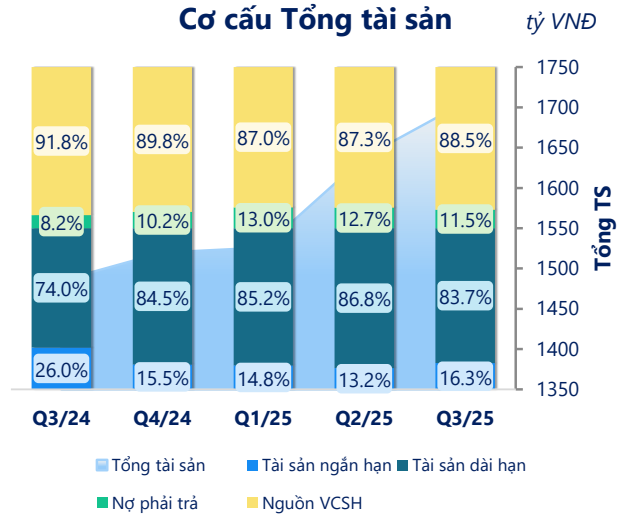
+/- YoY: ▲ 1.5%

Kết quả kinh doanh



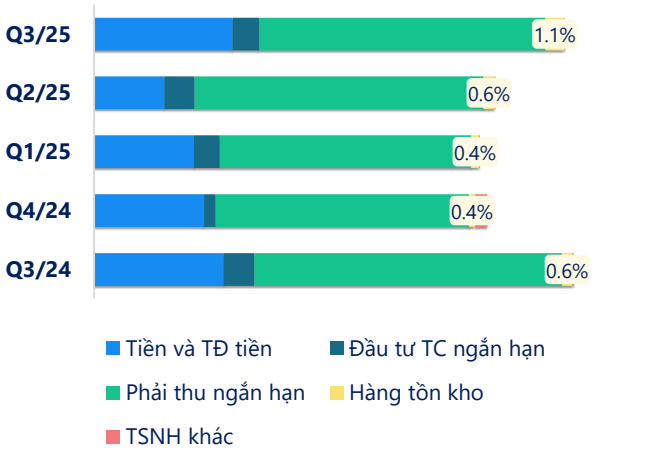
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



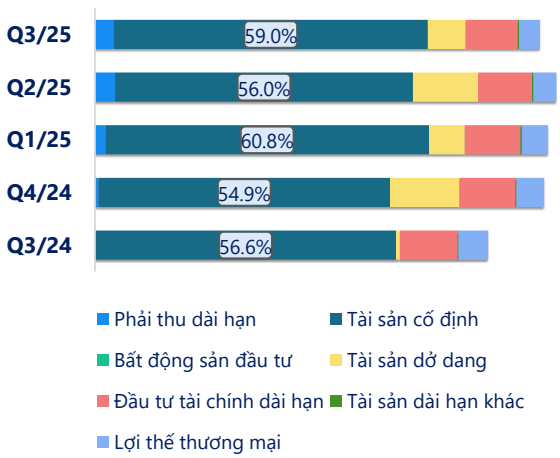
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



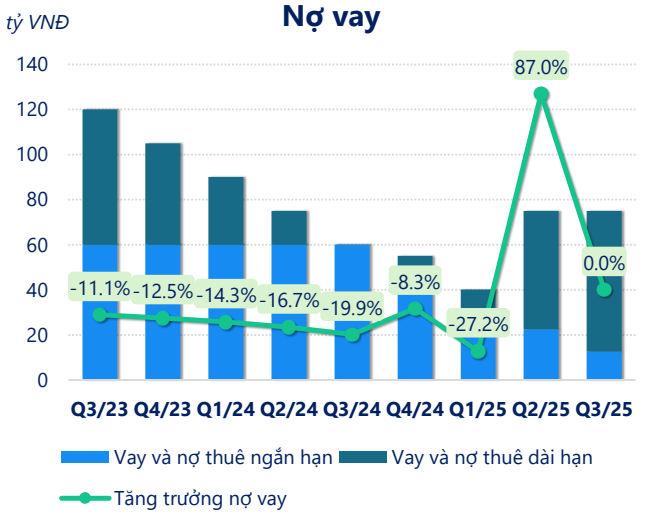
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



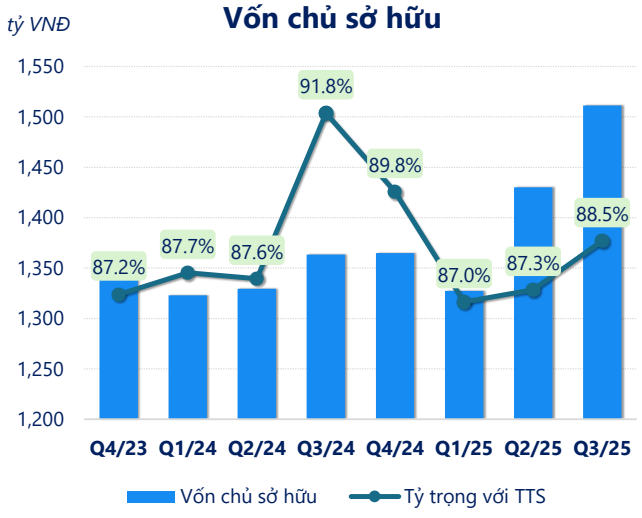
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



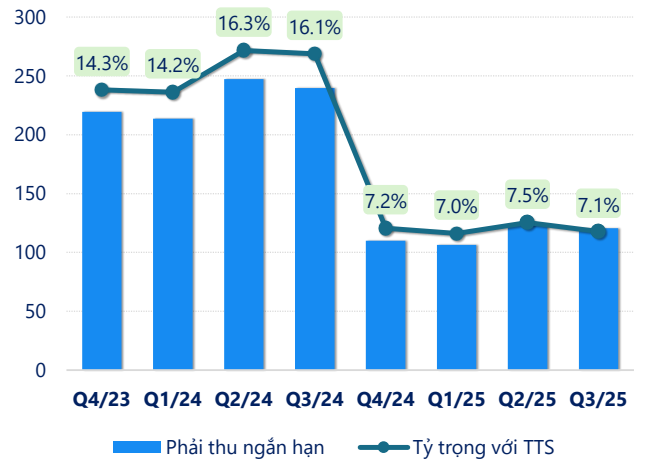
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



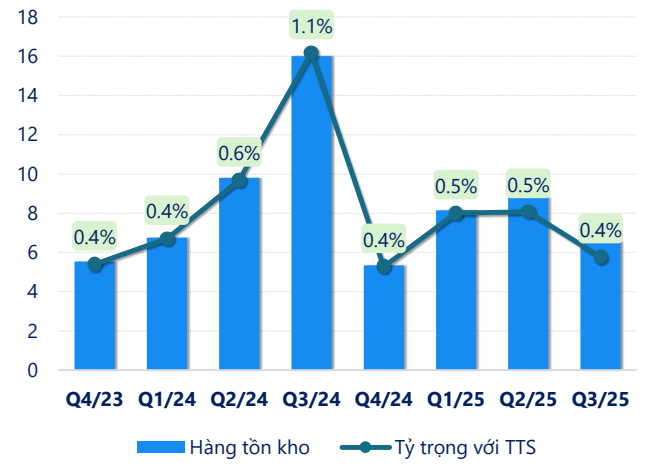
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



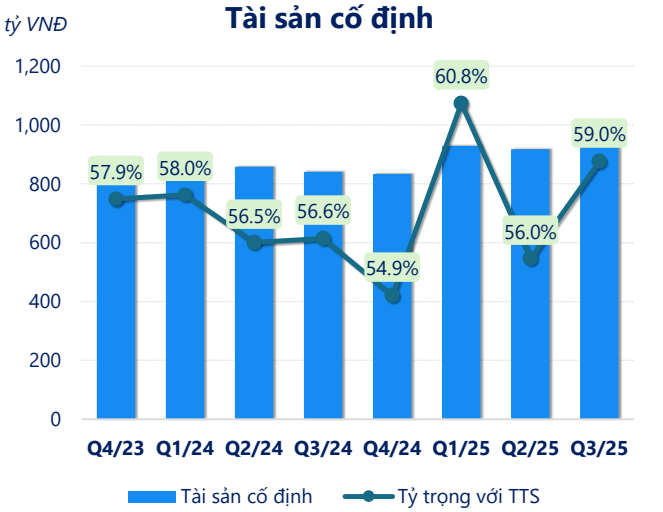
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



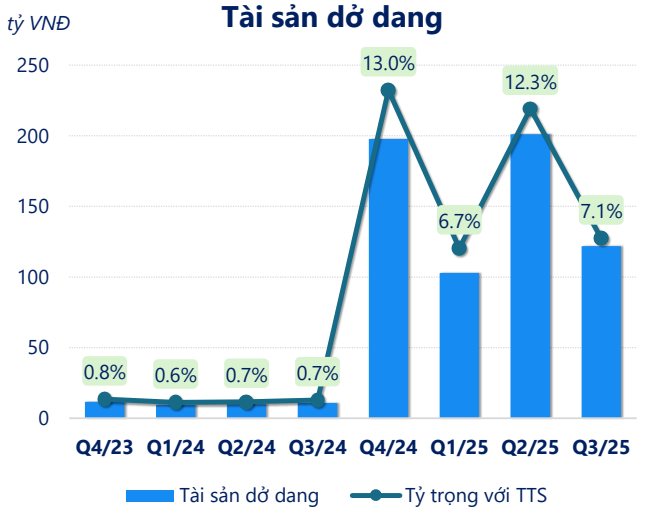
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



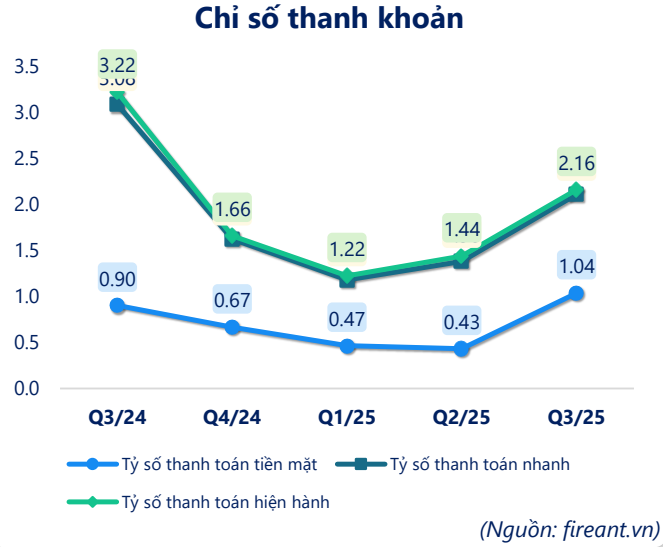
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



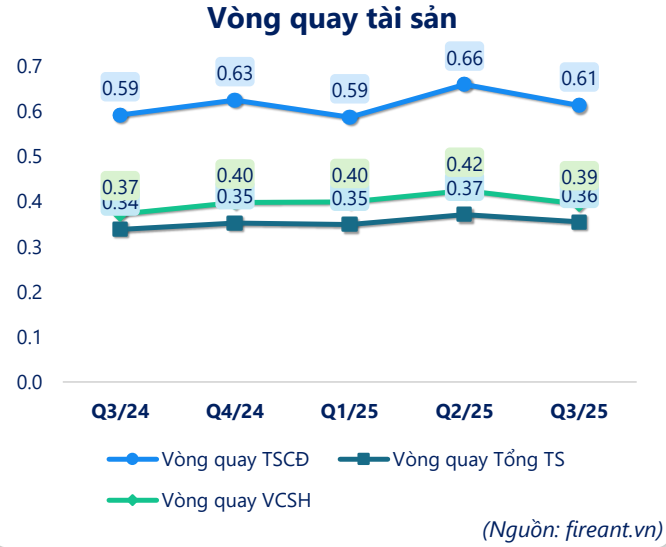
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,485**	**1,520**	**1,526**	**1,638**	**1,707**
Tài sản ngắn hạn	**387**	**235**	**226**	**216**	**278**
Tiền và tương đương tiền	108	94.3	86.0	65.0	133
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.2	22.0	20.3	13.7	13.7
Phải thu ngắn hạn	240	110	106	123	121
Hàng tồn kho	16.0	5.34	8.15	8.81	6.56
Tài sản ngắn hạn khác	0.58	3.75	5.10	5.65	3.70
Tài sản dài hạn	**1,098**	**1,284**	**1,300**	**1,422**	**1,429**
Phải thu dài hạn	0	10.0	30.0	62.0	60.5
Tài sản cố định	841	834	928	917	1,007
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	10.7	198	103	201	122
Đầu tư tài chính dài hạn	161	160	159	166	167
Tài sản dài hạn khác	2.00	3.30	4.17	4.60	4.78
Lợi thế thương mại	83.3	79.2	75.1	71.0	66.9
Nợ phải trả	**122**	**155**	**198**	**208**	**195**
Nợ ngắn hạn	**120**	**142**	**184**	**150**	**129**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.0	45.4	30.8	22.5	12.5
Phải trả người bán ngắn hạn	9.86	27.0	26.4	44.4	27.1
Nợ dài hạn	1.49	13.2	14.0	57.5	66.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0.10	9.68	9.26	52.5	62.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,363**	**1,365**	**1,327**	**1,430**	**1,511**
Vốn chủ sở hữu	**1,363**	**1,365**	**1,327**	**1,430**	**1,511**
Vốn điều lệ	635	635	635	635	635
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)